

Bản án số: 188/2022/HS-PT
Ngày: 14- 4- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 493/2021/TLPT- HS ngày 17 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị Hồng L, Trần Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo Phan Văn C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HSST ngày 08-7-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Bị cáo kháng cáo/bị kháng nghị:

1. Họ và tên: PHAN VĂN C, sinh ngày 01/01/1994; tại tỉnh B;

ĐKHKT: Số 1/6, Khóm 6, Phường 2, thành phố B, tỉnh B; Chỗ ở: Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1974 (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có vợ tên Quách Thị H, sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/5/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2019 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: LÊ THỊ HỒNG L, sinh năm 1989; tại thành phố C;

ĐKHKT: Số 292B/13, khu vực B, phường L, quận B, thành phố C; Tạm trú: Khóm 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1957 và bà Lê Thị B, sinh

năm 1958; bị cáo có chồng tên Lê Văn M, sinh năm 1989 (là bị cáo trong vụ án) và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 06/01/2020 cho tại ngoại (*vắng mặt*).

3. *Họ và tên:* **TRẦN VĂN T**, sinh năm 2000, tại tỉnh C;

Tên gọi khác: Ngô Thanh T

Nơi cư trú: Không có nơi đăng ký thường trú; Tạm trú: Khóm 4, Phường 7, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): biết đọc biết viết; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị Kim S), sinh năm 1964; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2020 đến nay (*có mặt*).

4. *Họ và tên:* **NGUYỄN THỊ KIM L**, sinh năm 1964; tại tỉnh B;

ĐKHKTT: Số 1/6, Khóm 6, Phường 2, thành phố B, tỉnh B; Chỗ ở: ấp 12, xã V, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng A (chết) và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1936; bị cáo có chồng tên Phan Văn T, sinh năm 1970 và 01 người con (sinh năm 1994 là bị cáo trong vụ án) Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (*có mặt*).

5. *Họ và tên:* **Lê Văn M**, sinh năm 1989; tại tỉnh S;

ĐKHKTT: ấp 7, xã B, huyện K, tỉnh S; Tạm trú: Khóm 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không đi học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1955 và bà Trần Thị T, sinh năm 1956; bị cáo có vợ tên Lê Thị Hồng L, sinh năm 1989 (là bị cáo trong vụ án) và 03 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2021) Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/11/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; (đã đi chấp hành án) (*vắng mặt*).

6. *Họ và tên:* **NGUYỄN Thanh Q** (Tên gọi khác: Quang), sinh ngày 05/4/1994; tại tỉnh S;

Nơi cư trú: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh S; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 và bà Võ Thùy T, sinh năm 1971; bị cáo có vợ tên Thị T, sinh năm 2000 và 01 người con (sinh năm 2020) Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (*có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn C theo luật định:* Luật sư Trịnh Thanh N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (*có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hồng L theo luật định:* Luật sư Nguyễn Chúc L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (*có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T theo luật định:* Luật sư Trần Văn V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (*có mặt*).

(Trong vụ án còn có đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo, không L quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/12/2019, Lê Thị Yến N, sinh năm 1997, Nguyễn Khánh Dsinh năm 1987, Nguyễn Minh T (tên gọi khác Út) sinh năm 1985 tổ chức uống rượu cùng một số người bạn tại phòng trọ của N thuộc khóm 1, phường 7, thành phố B, tỉnh B và có mở nhạc từ loa kéo. Cùng thời gian này, Lê Thị Hồng L (thuê phòng cặp phòng của N) tổ chức uống rượu với Phan Văn C. Trong lúc uống rượu, L cũng mở nhạc từ loa kéo nhưng mở âm lượng lớn hơn phòng của N, đồng thời nói với C “*bữa nay tao mở loa lớn, đũa nào kiếm chuyện đánh chết mẹ nó luôn*”. Biết giữa L với N có mâu thuẫn nên Phan Văn C điện thoại cho Trần Văn T để mượn dao nhằm sử dụng khi đánh nhau. Mặc dù biết rõ mục đích mượn dao của C nhưng T vẫn đồng ý và mang dao đến phòng trọ của L đưa cho C (cây dao T cho C mượn có đặc điểm là loại dao xếp, dài khoảng 20cm, cán và lưỡi bằng kim loại, lưỡi dao có một bề bén, đỉnh nhọn, trên lưỡi dao có Nền lỗ tròn). Sau đó, T vào uống rượu cùng với C và L. Uống được một lúc, Lê Văn M (là người chung sống như vợ chồng với L) điện thoại rủ Nguyễn Thanh Q đến phòng trọ của mình uống rượu. Khi đi, Q rủ Lâm Thành T cùng đi. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, L và N xảy ra cự cãi được mọi người can ngăn. Sau đó, Nguyễn Minh T ra về thì bị Quan, C đánh và được mọi người can ngăn nên Quan lấy dao tự chế chém vào cửa phòng của N một cái rồi cùng Lâm Thành T đi về nhà tại huyện T, tỉnh S.

Lúc này, tất cả nghỉ uống rượu nên C đi thăm người bạn, có nhà ở khóm 1, Phường 1, thành phố B, còn Dchở N đi công việc. Sau đó, Dchở N quay lại phòng trọ thì giữa N và L tiếp tục cự cãi, đánh nhau Dvào can ngăn. L cho rằng D bênh vực N và đánh mình nên chạy ra đường Võ Văn Kiệt truy hô “*đánh chết mẹ tui nó, đánh chết mẹ tui nó*” mục đích kêu người giúp đánh N và Dnhưng không gặp ai. L điện thoại cho C nhưng C không bắt máy. Liên sau đó, C thấy cuộc gọi của L và biết có chuyện xảy ra nên chạy về phòng trọ gặp L. Khi gặp L, Phan Văn C liền hỏi L “*còn ai không?*”, L trả lời “*còn một thằng trong đó, mày vô đánh chết mẹ nó đi*”. Nghe L kêu, C chạy vào nhìn thấy Nguyễn Khánh Dđang đứng trước cửa phòng trọ của N nên xông vào đánh và lấy dao giấu trong người cầm trên tay phải, đâm D một nhát vào vùng cổ bên trái rồi rút dao ra đi về hướng lộ Võ Văn Kiệt, còn D được đưa vào Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu nhưng đã tử vong.

Sau khi gây án, C giấu dao vào túi quần rồi đi ra đường Võ Văn Kiệt được Trần Văn T và Nguyễn Vũ L (tên gọi khác L) chở vào khu dân cư Trảng An. Sau đó, M điều khiển xe mô tô 65D1-286.45 chở L vào gặp C. Lúc này, M nói cho C biết là D đã tử vong. Sau đó, C nhờ M chở về phòng trọ thuộc khóm 2, Phường 7, thành phố B lấy quần áo và về nhà mẹ của C thuộc phường N, thành phố B. Sau khi gặp mẹ là bà Nguyễn Thị Kim L, C nói đã đâm người khác tử vong.

Đến sáng ngày 29/12/2019, Phan Văn C; Lê Thị Hồng L và Lê Văn M đi khỏi nhà bà L, C được bà L cho 1.800.000đ. Khoảng 08 giờ cùng ngày, C đi đến nhà Nguyễn Thanh Q nhờ lấy xe mô tô bị Cảnh sát giao thông Công an tỉnh S tạm giữ để làm phương tiện đi lại khi bỏ trốn. Nhưng do không nhớ nhà nên C điện

thoại nhờ Minh điện cho Quan ra đón và Minh đã điện thoại cho Quan đón C. Mặc dù biết rõ C đâm D tử vong nhưng Quan vẫn đón C vào nhà. Một lúc sau, Minh và L đến nhà Q thì tất cả đến nhà Lâm Thành T. Tại nhà T, Q và L nói cho T biết C đâm người khác tử vong. Đến khoảng 16 giờ, Quan chở C, Minh chở L đến quán cà phê (không rõ tên) trên đường Quốc Lộ 1A rồi Q đi về. Minh chở C đi mua 02 sim điện thoại, C sử dụng 01 sim và cho M 01 sim. Sau đó, C đi Cần T, còn M và L về B. Đến ngày 30/12/2019, C và L ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Trong thời gian ở nhà Q, C điện thoại cho Nguyễn Thị Kim L (là mẹ C) nhờ tìm cây dao C sử dụng đâm D mạng ném bỏ. Đến khoảng 16 giờ ngày 29/12/2019, bà L thấy cây dao rơi trong nhà tắm nên lấy bỏ vào bọc nylon rồi mang ra cầu Út Đen thuộc khóm B, phường N, thành phố B ném xuống kênh theo yêu cầu của C.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-P1 ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, truy tố:

- Phan Văn C, Lê Thị Hồng L và Trần Văn T (Ngô Thanh T), về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Cáo trạng còn truy tố Nguyễn Thị Kim L, Lê Văn M và Nguyễn Thanh Q (Quang), về tội “*Che giấu tội phạm*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự; Lâm Thành T về tội “*Không tố giác tội phạm*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HSST ngày 08-7-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị Hồng L, Trần Văn T (Ngô Thanh T), phạm tội “*Giết người*”; các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thanh Q (Quang), phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Văn C** 20 (hai mươi) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 30/12/2019.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Hồng L** 10 (mười) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 06/01/2020.

4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** (Ngô Thanh T) 09 (chín) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 07/8/2020.

5. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim L** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh B nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh B giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành bản án, bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và được miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh Q** (Quang) 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện T, tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh Q (Quang) cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện T, tỉnh S giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành bản án, bị cáo Nguyễn Thanh Q (Quang) phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và được miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước.

6. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn M** 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Về trách Nệm dân sự: áp dụng Điều 584; Điều 587; Điều 591 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị Hồng L và bị cáo Trần Văn T với đại diện bị hại.

Buộc bị cáo Phan Văn C có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho đại diện bị hại số tiền 13.833.000 đồng; bị cáo Trần Văn T (Ngô Thanh T) có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho đại diện bị hại số tiền 52.333.000 đồng; Buộc bị cáo Lê Thị Hồng L có nghĩa vụ bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 53.833.000 đồng.

Đại diện bị hại là chị Nguyễn Kim D được thay mặt nhận tiền do các bị cáo bồi thường.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả cho bị cáo Lê Thị Hồng L 01 thoại di động, hiệu Itel, màu đen, loại bàn phím cứng, số IMEI: 356829083046666, có gắn thẻ sim của mạng Vietnammobile, số seri 8984050919 1021192402.

Trả cho bị cáo Phan Văn C 01 điện thoại di động, hiệu ViVo 1820, màu xanh - đen, số IMEI: 8609 0004 3106 897 và 8609 0004 3106 889, không có sim, màn hình cảm ứng bị nứt.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi dép quai kẹp màu xám - cam; 01 (một) áo khoác màu xám, viền sọc đen - trắng, trên áo có Nền vết nâu đỏ; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng có sọc ngang màu xanh; 01 (một) áo sơ mi dài tay có hoa văn rằn ri màu trắng - đen; 01 (một) cái quần thun ống dài, màu đen, có viền màu cam; 01 (một) cái áo khoác nam dài tay màu đen, phía trước áo bên ngực trái có chữ “SPORTS”, số “1945” màu trắng và chữ “fashion” màu đỏ, áo có hai túi ở hai bên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lâm Thành T, Lê Văn M, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/7/2021, bị cáo Phan Văn C có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Cùng ngày, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-P1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Hồng L và Trần Văn T; áp dụng thêm khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị Hồng L, Trần Văn T (Ngô Thanh T), Lê Văn M; ghi rõ lý do của việc miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thanh Q; Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự vào phân trách Nệm dân sự và ghi phân trách Nệm dân sự được thi hành ngay; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước phương tiện dùng vào việc phạm tội là 01 thoại di động, hiệu Itel, màu đen, loại bàn phím cứng, số IMEI: 356829083046666, có gắn thẻ sim của mạng Vietnammobile, số seri 8984050919 1021192402 và 01 điện thoại di động, hiệu ViVo 1820, màu xanh - đen, số IMEI: 8609 0004 3106 897 và 8609 0004 3106 889, không có sim, màn hình cảm ứng bị nứt.

Ngày 20/3/2022, bị cáo Phan Văn C có đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị Hồng L vắng mặt.

Luật sư Nguyễn Chúc L trình bày bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hồng L: Do hoàn cảnh diễn biến đề dẫn đến vụ án là bị cáo L có bạn đến chơi, phòng trọ kế bên bắt nhạc lớn và có thái độ khiêu khích, nên bị cáo L có gọi cho C “qua đây đánh chết mẹ nó cho tao”, chỉ là một câu nói bị cáo cũng không có ý định bàn bạc trước với nhau, việc bị hại chết bị cáo L cũng không có mong muốn, hiện

nay bị cáo còn nuôi con nhỏ. Chúng tôi mong rằng Hội đồng xét xử có cái nhìn bao dung, sự khoan hồng của pháp luật, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội.

Bị cáo Trần Văn T (Ngô Thanh T) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư Trần Văn v trình bày bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, khả năng hiểu biết pháp luật còn thấp, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mức án 09 năm tù đối với bị cáo là đã đủ tính răn đe. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Tòa án nhân dân tỉnh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T thống nhất lời trình bày của Luật sư v.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Đối với bị cáo C trước khi mở phiên tòa phúc thẩm đã rút toàn bộ kháng cáo nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo C. Bị cáo C là không có chủ đích giết người, tuy Nên chỉ có một câu nói của L mà C đã đâm chết người bị hại, cho thấy vai trò của L là chủ yếu trong vụ án này. Đồng thời, bị cáo T là người đồng phạm giúp sức tích cực là người trực tiếp mang dao đến cho bị cáo C đâm chết bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L là 10 năm tù, bị cáo T là 09 năm tù là quá nhẹ, chưa đủ tính chất răn đe để phòng ngừa tội phạm. Chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử án chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, tăng hình phạt đối với bị cáo L từ 13-14 năm tù, tăng hình phạt đối với bị cáo T từ 11-12 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Văn C và Trần Văn T (Ngô Thanh T) thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo Lê Thị Hồng L vắng mặt nhưng căn cứ lời khai tại Cơ quan điều tra đã thể hiện bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận của các bị cáo và các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[1.1] Vào khoảng hơn 21 giờ ngày 28/12/2019, tại nhà trọ của ông Huỳnh Văn Đức, thuộc khóm 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh B, giữa Lê Thị Hồng L và

Lê Thị Yến N Khi xảy ra cự cãi nhưng được Nguyễn Khánh Dean ngăn. Lê Thị Hồng L do bức tức vì cho rằng Dbênh vực N mà đánh mình nên đã gọi cho Phan Văn C đến. Khi bị cáo C đến nơi, L nói với C: “*còn một thằng trong đó, mày vô đánh chết mẹ nó đi.* Ngay lập tức, bị cáo Phan Văn C đã dùng dao mượn của bị cáo Trần Văn T trước đó, đâm mạnh vào vùng cổ bị hại Nguyễn Khánh Duy. Hậu quả, bị hại Nguyễn Khánh Đã tử vong. Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 01/PC09-2020, ngày 03/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Nguyễn Khánh D chết do đứt động mạch cổ dưới đòn phải gây sốc mất máu cấp.

[1.2] Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo L xúi giục bị cáo C thực hiện hành vi giết người; bị cáo C vốn không L quan đến mâu thuẫn của bị cáo L nhưng vì bênh vực bị cáo L lại ra tay tước đoạt tính mạng của người khác; bị cáo T biết bị cáo C mượn dao để đánh nhau, biết được dao là một loại hung khí gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người khác nhưng vẫn đồng ý cho bị cáo C mượn. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị Hồng L và Trần Văn T (Ngô Thanh T) phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính côn đồ, coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương; vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Văn C.

Khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự cho bị cáo như: đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; đại diện bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự, từ đó xử phạt bị cáo Phan Văn C mức án 20 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do phạm tội của bị cáo gây ra và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy Nên, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Văn C đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo C. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo C.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B

[4.1] Về kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Hồng L và Trần Văn T (Ngô Thanh T).

[4.1.1] Đối với bị cáo Lê Thị Hồng L: Trong lúc uống rượu, biết Lê Thị Yến N mở nhạc, bị cáo L cũng mở nhạc từ loa kéo nhưng với âm lượng lớn hơn của N, đồng thời nói với C: “*bữa nay tao mở loa lớn, đưa nào kiếm chuyện đánh chết mẹ*

nó luôn”, cho thấy bản thân bị cáo đã có ý định gây hấn từ trước. Sau khi gây sự với N và được Nguyễn Khánh Dcan ngăn, biết bị cáo C có chuẩn bị dao để sử dụng vào việc đánh nhau, bị cáo đã kêu bị cáo C: “*còn một thằng trong đó, mày vô đánh chết mẹ nó đi*”. Xuất phát từ câu nói mang tính xúi giục của bị cáo, Phan Văn C đã dùng dao đâm bị hại Nguyễn Khánh Dử vong mặc dù giữa C và Dkhông có mâu thuẫn gì. Như vậy, bị cáo L là nguyên nhân chính và trực tiếp dẫn đến việc bị cáo C đâm bị hại Duy, là đồng phạm có vai trò quan trọng trong vụ án nên cần phải nghiêm trị. Mặt khác, giống như bị cáo C, bị cáo L cũng có 04 tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự, trong đó chỉ có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để tuyên phạt bị cáo mức án 10 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là không đúng nguyên tắc xét xử công bằng và chưa tương xứng với tính chất, vai trò và mức độ phạm tội của bị cáo, không đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa nên cần tăng nặng hình phạt đối với bị cáo L.

[4.1.2] Đối với bị cáo Trần Văn T (Ngô Thanh T): Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo mức án 09 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Tuy Nên, về vai trò trong vụ án, bị cáo Trần Văn T (Ngô Thanh T) dù biết rõ mục đích bị cáo C mượn dao là để đánh nhau, biết được có thể sẽ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người khác nhưng vẫn đồng ý cho bị cáo C mượn dao, cho thấy vai trò giúp sức tích cực của bị cáo. Mặt khác, bị cáo có trách Nệm bồi thường cho bị hại số tiền 53.833.000 đồng nhưng bị cáo mới chỉ bồi thường 1.500.000 đồng, rất nhỏ so với số tiền phải bồi thường nên việc bản án của Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa đúng mà đây chỉ được xem là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, việc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên xử bị cáo mức án 09 năm tù là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, chưa tương xứng với vai trò của bị cáo nên cần sửa án phần này, tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T.

[4.2] Đối với kháng nghị về việc áp dụng pháp luật.

[4.2.1] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt tù có thời hạn các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị Hồng L, Trần Văn T (Ngô Thanh T) và Lê Văn M nhưng lại không áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là thiếu sót.

[4.2.2] Mặt khác, việc bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thanh Q hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Xét thấy, bị cáo L và bị cáo Quan đều không có công việc ổn định, phải đi làm thuê nên không có thu nhập thường xuyên, riêng bị cáo L cũng đã hết tuổi lao động nên việc miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp. Tuy Nên, bản án sơ thẩm lại không nêu rõ lý do miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự nên cần sửa án phần này.

[4.2.3] Ngoài ra, khi xem xét vấn đề bồi thường thiệt hại, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 585 Bộ luật dân sự 2015 để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là thiếu sót. Đồng thời, bản án cũng không tuyên rõ phần trách Nệm dân sự được thi hành ngay là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự nên cần sửa lại cho đúng.

[4.2.4] Do đó, kháng nghị các phần này là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Xét kháng nghị về việc xử lý vật chứng.

[4.3.1] Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động, hiệu ViVo 1820, màu xanh - đen, số IMEI: 8609 0004 3106 897 và 8609 0004 3106 889, không có sim, màn hình cảm ứng bị nứt thu giữ của bị cáo Phan Văn C: bị cáo C sử dụng vật chứng này để gọi cho bị cáo Trần Văn T (Ngô Thanh T) để mượn con dao là hung khí gây án. Trong thời gian bỏ trốn, bị cáo dùng điện thoại này để gọi cho bị cáo L nhờ tìm hung khí và phi tang giúp bị cáo nên chiếc điện thoại nêu trên là phương tiện phạm tội của bị cáo C.

[4.3.2] Đối với vật chứng là 01 thoại di động, hiệu ITEL, màu đen, loại bàn phím cứng, số IMEI: 356829083046666, có gắn thẻ sim của mạng Vietnammobile, số seri 8984050919 1021192402 thu giữ của bị cáo Lê Thị Hồng L: bị cáo L sử dụng điện thoại này để gọi cho C đến gây án; bị cáo Lê Văn M cũng sử dụng vật chứng này để gọi cho bị cáo Quan ra đón C vào nhà Quan, giúp cho bị cáo C bỏ trốn và gây cản trở hoạt động điều tra, xử lý người phạm tội nên có L quan đến vụ án và là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

[4.3.3] Do đó, 02 vật chứng nêu trên cần phải bị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước nhưng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên trả lại cho các bị cáo là không đúng nên kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B là có cơ sở.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phan Văn C; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Phan Văn C không phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348, điểm c Điều 351, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phan Văn C (Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HSST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân

tỉnh B có hiệu lực pháp luật (mức án của bị cáo là 20 (hai mươi) năm tù); Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-P1 ngày 21/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Hồng L; không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-P1 ngày 21/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đối với việc tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HSST ngày 08-7-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Hồng L, Trần Văn T (Ngô Thanh T), phạm tội “Giết người”; các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thanh Q (Q), Lê Văn M phạm tội “Che giấu tội phạm”.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Hồng L** 12 (mười hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 06/01/2020.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** (Ngô Thanh T) 09 (chín) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 07/8/2020.

Tiếp tục giam bị cáo Trần Văn T để đảm bảo thi hành án

4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn M** 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim L** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh B nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh B giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành bản án, bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và được miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước do bị cáo hết tuổi lao động, không có công việc ổn định và thu nhập thường xuyên.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh Q** (Quang) 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện T, tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh Q (Quang) cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện T, tỉnh S giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành bản án, bị cáo Nguyễn Thanh Q (Quang) phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và được miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước do bị cáo không có công việc ổn định và thu nhập thường xuyên.

6. Về trách Nệm dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 587; Điều 585; Điều 591 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị Hồng L và bị cáo Trần Văn T với đại diện bị hại.

Buộc bị cáo Phan Văn C có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho đại diện bị hại số tiền 13.833.000 đồng; bị cáo Trần Văn T (Ngô Thanh T) có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho đại diện bị hại số tiền 52.333.000 đồng; Buộc bị cáo Lê Thị Hồng L có nghĩa vụ bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 53.833.000 đồng.

Đại diện bị hại là chị Nguyễn Kim D được thay mặt nhận tiền do các bị cáo bồi thường.

Phân quyết định về trách Nệm dân sự có hiệu lực thi hành ngay.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước các điện thoại di động sau:

- 01 thoại di động, hiệu Itel, màu đen, loại bàn phím cứng, số IMEI: 356829083046666, có gắn thẻ sim của mạng Vietnammobile, số seri 8984050919 1021192402.

- 01 điện thoại di động, hiệu ViVo 1820, màu xanh - đen, số IMEI: 8609 0004 3106 897 và 8609 0004 3106 889, không có sim, màn hình cảm ứng bị nứt.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi dép quai kẹp màu xám - cam; 01 (một) áo khoác màu xám, viền sọc đen - trắng, trên áo có Nền vết nâu đỏ; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng có sọc ngang màu xanh; 01 (một) áo sơ mi dài tay có hoa văn rằn ri màu trắng - đen; 01 (một) cái quần thun ống dài, màu đen, có viền màu cam; 01 (một) cái áo khoác nam dài tay màu đen, phía trước áo bên ngực trái có chữ “SPORTS”, số “1945” màu trắng và chữ “fashion” màu đỏ, áo có hai túi ở hai bên..

[2] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Phan Văn C không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Trại tạm giam công an tỉnh B;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh